TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2023/HNGĐ-ST
Ngày 27/ 3/ 2023
V/v: " Ly hôn-Tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
N□ ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán chủ toạ phiên toà: Bà Bạc Thị Liên
- Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Quang Khải
  2. Ông Nông Trung Kiên

- Th- ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Phạm Thị Châm - Thư ký - Tòa án nhân dân huyện Đ.

Ngày 27/3/2023. Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 76/2023/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2023 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo quyết định đ- a vụ án ra xét xử số: 43/2023/QĐXX-ST ngày 10/3/2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 25 ngày 17/3/2023 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn**: Chị Vì Thị C - Sinh năm 1990

Nơi đăng ký thường trú: Bản P, xã Na, huyện D, tỉnh Điện Biên.(có mặt).

2. **Bị đơn**: Anh Lò Văn K - Sinh năm 1990

Nơi đăng ký thường trú: Bản P, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 09/02/2023 và các bản tự khai tại Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, chị Vì Thị C (nguyên đơn) trình bày:

1. Về hôn nhân: Tôi và anh Lò Văn K tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện Đ ngày 30/8/2010. Kết hôn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Chung sống hạnh phúc đến tháng 2 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh K không chịu tu chí làm ăn thường xảy ra cãi vã sau đó tôi phát hiện anh K có sử dụng chất ma túy và bị nghiện chất ma túy nặng, thường bỏ nhà đi nói với tôi là đi làm thuê, nhưng thực chất là đi tụ tập sử dụng ma túy, không quan tâm đến vợ con.Tôi và gia đình đã khuyên bảo anh K từ bỏ ma túy, nhưng anh K không nghe vẫn bị nghiện, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, thường xảy ra cãi vã xô sát. Hai bên gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng hai vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Tôi và anh

K đã ly thân hơn 4 năm nay không quan tâm đến nhau. Tôi xét thấy tình cảm giữa tôi và chồng không còn, cuộc hôn nhân không có hạnh phúc nên tôi viết đơn này đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đ giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Khoa.

2.Về con chung: Chị C khai vợ chồng có 02 con chung là: Lò Thị Y, sinh ngày 04/7/2011 và Lò Việt B, sinh ngày 26/02/2019.

Sau khi ly hôn chị K xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả 2 cháu C và cháu B, không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản: Tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng nương: Chị C khai không có.

Ngày 09/02/2023, sau khi thụ lý vụ án Toà án nhân dân huyện Đ đã thông báo nội dung đơn xin ly hôn với các yêu cầu cụ thể của chị C cho anh K biết. Tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý cho anh K, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận thông báo thụ lý vụ án, anh K không có ý kiến phản hồi bằng văn bản cho Tòa án. Tòa đã triệu tập nhiều lần và tiến hành tống đạt thông báo phiên họp kiểm tra chứng cứ và hòa giải vụ án cho anh K. Nhưng anh K vẫn không đến Tòa. Do vậy Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự và luật hôn nhân gia đình đối với các đương sự. Ngày 10/3/2023 Tòa án nhân dân huyện Đ đã ra quyết định xét xử và đã tống đạt hợp lệ cho anh K nhưng anh K vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án đã hoãn phiên Tòa và tiến hành tống đạt quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Lò Văn K đã được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do chính đáng căn cứ quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227/BLTTDS, HĐXX vẫn tiến hành xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay chị Vì Thị C vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, chị xin được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung, về quan hệ tài sản không có như nội dung trong đơn khởi kiện và bản tự khai chị đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về Tố tụng. Bị đơn có địa chỉ tại bản P, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên do vậy vụ án xin ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39/BLTTDS.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án nhân dân huyện Đ đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 175; 177/ BLTTDS, việc anh Khoa không thực hiện quyền và nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70; 72/BLTTDS là do anh Khoa đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Cho nên căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227/BLTTDS năm 2015. HĐXX vẫn tiến hành xét xử.

[2] .Về quan hệ hôn nhân: Chị Vì Thị C và anh Lò Văn K tổ chức lễ cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn tại UBND xã S. Do vậy hôn nhân giữa hai người là hợp pháp.

Theo lời khai của chị C và đơn xác nhận tình trạng hôn nhân do UBND xã N xác nhận cho thấy: Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do anh K bị nghiện ma túy, không quan tâm đến vợ con, không chăm lo cho gia đình, thường xuyên bỏ nhà đi làm thuê không đem tiền về cho vợ con mà chỉ lo cho bản thân dẫn đến mất lòng tin với nhau. Hai gia đình và tổ hòa giải thôn bản đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Chị C đã khuyên bảo anh K từ bỏ ma túy nhưng anh K không nghe dẫn đến mâu thuẫn kéo dài, vợ chồng đã ly thân hơn 4 năm nay. Bản thân chị C xét thấy tình cảm không còn cuộc hôn nhân không hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K.

Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo quyền lợi của chị C và để giải phóng cho chị thoát khỏi tình trạng hiện tại khi mà cuộc hôn nhân không thể đem lại hạnh phúc cho chị, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vì mục đích của hôn nhân không đạt được. Hai anh chị lại sống ly thân hơn 4 năm nay như vậy không thể đảm bảo hạnh phúc gia đình cho chị C cùng con. Áp dụng Điều 51, và Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị C xử cho ly hôn giữa chị Vì Thị C và anh Lò Văn K.

[3] Về con chung: Chị Cương khai vợ chồng có 02 con chung là Lò Thị Yến C, sinh ngày 04/7/2011 và Lò Việt B, sinh ngày 26/02/2019.

Sau khi ly hôn chị C xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả 2 cháu và xét theo nguyện vọng cháu Chi muốn sống cùng mẹ. Xét thấy hiện tại chị C mới là người có đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Theo xác nhận của UBND xã N, anh K bị nghiện rượu và nghiện chất ma túy, anh K thường xuyên vắng nhà không có thời gian chăm sóc con. Như vậy không đảm bảo sự phát triển của trẻ. HĐXX căn cứ Điều 69 và Điều 81; Điều 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận nguyện vọng của chị C. Giao con cho chị C được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Anh K có quyền đi lại thăm con chung không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con**:** Chị C không yêu cầu anh Khoa cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện nuôi con của chị Cương.

[5] Về tài sản: Tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng, nương: Chị C khai không có.

[6] Về án phí: Chị C là dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng kinh tế khó khăn của xã thuộc diện miễn án phí và có đơn xin miễn án phí. Áp dụng Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 chị C được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 69, Điều 19; Điều 81, 82, 83,84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1

Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Vì Thị C được ly hôn với anh Lò Văn K

2. Về con chung: Chị Vì Thị C được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi d- ỡng 02 con chung là:Lò Thị Yến C, sinh ngày 04/7/2011 và Lò Việt B, sinh ngày 26/02/2019 cho đến khi các cháu thành niên và có khả năng lao động.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị C không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung. Chấp nhận sự tự nguyện nuôi con của chị C

Ng- ời không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai đ- ợc cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản: Tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng, nương: Không có

4. Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147/BLTTDS. Căn cứ Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án, chị Vì Thị C được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính, hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Đ;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THA huyện Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã S;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bạc Thị Liên